

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2018/HC-ST**
Ngày: 27-9-2018
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hanh;

Ông Lê Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 04/2018/TLST-HC ngày 23 tháng 01 năm 2018 về *khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh T – sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: phường B, quận B, Tp Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1962 (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2018).

Địa chỉ: Số 247, đường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ tỉnh Phú Yên.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Tấn T – Phó Chủ tịch UBND huyện Đ (văn bản ủy quyền ngày 20/8/2018). Có thông báo vắng mặt lần 2.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện Đ (văn bản chỉ định và đề nghị đăng ký ngày 27/9/2018). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên;
- *Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn Hòa Vinh:* Ông Nguyễn Văn B – Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 4 năm 2018). Có mặt.
2. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ; Vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Khu phố 4, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
4. Bà Trần Thị P – sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện công trình Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện Đ, ngày 18/01/2017, UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất số 271/QĐ-UBND và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 258/QĐ-UBND đối với diện tích đất 187,1m² trong tổng diện tích 770m² loại đất LUC thuộc thửa đất số 195 tờ bản đồ 06 tại Khu phố 4, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Đất đã được UBND huyện Đ giao quyền sử dụng theo Nghị định 64/CP và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 157155 ngày 27/9/1995 cho hộ bà Nguyễn Thị Đ (gồm 02 nhân khẩu là Nguyễn Thị Đ và con là Nguyễn Minh T). Bà Nguyễn Thị Đ chết ngày 07/4/1996. Ngày 15/12/2017, ông Nguyễn Minh T có đơn khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy các quyết định hành chính của UBND huyện Đ, buộc UBND huyện Đ thực hiện hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định pháp luật vì cho rằng: từ khi được Nhà nước giao đất, ông đã trực tiếp sử dụng ổn định, liên tục đến nay, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Hiện ông không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập chủ yếu từ sản xuất trên đất bị thu hồi. Đất được giao theo Nghị định 64 cho 2 nhân khẩu, sau khi mẹ mất ông là người thừa kế duy nhất nên đủ điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất.

Tại Công văn số 1745/UBND-TNMT ngày 04/4/2018, UBND huyện Đ trình bày ý kiến không đồng ý hỗ trợ vì ông T có hộ khẩu thường trú tại phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và ông T cũng không phải là người trực tiếp canh tác, sản xuất tại thửa đất thu hồi.

Tại biên bản làm việc ngày 20/4/2018, bà Trần Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày bà là người trực tiếp canh tác sản xuất ruộng của ông Nguyễn Minh T bị thu hồi; được ông Nguyễn Minh T thuê làm ruộng, trông coi hoa màu, mọi nông sản thu được từ sản xuất nông nghiệp trên đất ông T sở hữu và có trả tiền công thuê đầy đủ.

Tại giấy xác nhận ngày 08/5/2018, ông Nguyễn Văn T trình bày ông không canh tác trên đất của ông T mà chỉ canh tác trên đất của mình được giao liền kề đất ông T sử dụng.

Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hỗ trợ ổn định sản xuất, giữ nguyên yêu cầu hỗ trợ

ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm cũng như các khoản hỗ trợ khác khi thu hồi đất theo quy định pháp luật. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên ý kiến tại công văn số 1745/UBND-TNMT ngày 04/4/2018 của UBND huyện Đ. Đại diện UBND thị trấn H thống nhất với ý kiến của UBND huyện Đ.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử đúng quy định Luật tổ tụng hành chính. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện Đ giải quyết hỗ trợ đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Ngày 18/01/2017, UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất số 271/QĐ-UBND đối với diện tích đất 187,1m² trong tổng diện tích 770m² loại đất LUC thuộc thửa đất số 195 tờ bản đồ 06 tại Khu phố 4, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, đã được UBND huyện Đ giao quyền sử dụng theo Nghị định 64/CP và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 157155 ngày 27/9/1995 cho hộ bà Nguyễn Thị Đ (gồm 02 nhân khẩu là Nguyễn Thị Đ và con là Nguyễn Minh T); quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 258/QĐ-UBND nội dung bồi thường về đất bị thu hồi và không hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, không hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất. Nhận thấy việc này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ngày 15/12/2017, ông Nguyễn Minh T có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 166 Luật Tổ tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính thì Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Người khởi kiện không khiếu kiện việc thu hồi đất, diện tích, loại đất bị thu hồi mà chỉ khiếu kiện yêu cầu xem xét thực hiện hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm cũng như các khoản hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định pháp luật. Vì vậy, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 258/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Xét yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Điểm a khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013 quy định các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: “Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất;” (được tính là hai khoản hỗ trợ và không quy định điều kiện trực tiếp sản xuất nông nghiệp). Tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án đền bù hỗ trợ, Nghị định 47/2014/NĐ-CP đang có hiệu lực thi hành. Điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định này quy định

đôi tượng được hỗ trợ: “*Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, ...*”; điểm a khoản 2 Điều này quy định điều kiện hỗ trợ: *Đối với hộ gia đình, cá nhân ... đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...*”. Như vậy ông Nguyễn Minh T được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đủ điều kiện được xem xét hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì việc hỗ trợ ổn định sản xuất chỉ thực hiện khi được bồi thường bằng đất nông nghiệp, trường hợp ông Nguyễn Minh T được bồi thường bằng tiền nên không được hỗ trợ ổn định sản xuất. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện rút yêu cầu hỗ trợ ổn định sản xuất nên căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này. Ông Nguyễn Minh T bị thu hồi 187,1 m² tức bằng 20,33% trên tổng diện tích đất được giao là 920m². Việc hỗ trợ ổn định đời sống đối với diện tích đất bị thu hồi dưới 30% thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, UBND huyện Đ không căn cứ quy định này và quy định của UBND tỉnh Phú Yên để xem xét việc hỗ trợ ổn định đời sống là thiếu sót.

[4] Xét yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cũng như hỗ trợ khác: Điểm b khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013 quy định chỉ hỗ trợ khi trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Căn cứ lời khai của bà Trần Thị P thì ông T có thuê bà P làm và trả tiền thuê, hoa lợi, lợi tức thu được từ sản xuất trên đất do ông T sở hữu. Đồng thời, theo lời khai của ông Nguyễn Văn T (là người được Hội đồng xét nguồn gốc đất UBND thị trấn H xác định sản xuất sử dụng ổn định thửa đất của ông T bị thu hồi) thừa nhận ông chỉ canh tác trên đất của mình gần bên đất ông T chứ chưa từng canh tác trên đất của ông T. Hiện tại, ông T cư trú tại phường B, quận B, Tp Hồ Chí Minh, được UBND phường B xác nhận ngày 05/9/2018 là hộ không có đăng ký kinh doanh sản xuất, kinh doanh ngành nghề nào. Như vậy, tuy không tự mình canh tác, sử dụng đất nhưng ông Nguyễn Minh T có thu nhập thường xuyên từ sản xuất trên diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (thông qua hình thức thuê mướn lao động) nên cũng thuộc trường hợp trực tiếp sản xuất nông nghiệp, phù hợp với quy định tại Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017, có hiệu lực thi hành ngày 05/12/2017. UBND huyện Đ xác định ông Nguyễn Minh T có hộ khẩu tại phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh và không trực tiếp sản xuất nông nghiệp là không đúng quy định pháp luật dẫn đến không xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cũng như các khoản hỗ trợ khác là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

[5] Căn cứ các chứng cứ và quy định pháp luật nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hủy một phần quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 258/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện Đ về nội dung hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất đối với ông Nguyễn Minh T. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ điều

chính bổ, sung phương án hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ khác cho ông Nguyễn Minh T đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện không phải chịu án phí HCST. Trả lại tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Minh T. Người bị kiện phải chịu 300.000 đồng án phí HCST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

Hủy một phần quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 258/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện Đ về nội dung hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất đối với ông Nguyễn Minh T. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ điều chỉnh, bổ sung phương án hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ khác cho ông Nguyễn Minh T đúng quy định pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất của ông Nguyễn Minh T.

Về án phí: Căn cứ Điều 345 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 6, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000 đồng án phí HCST. Trả lại cho ông Nguyễn Minh T 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008473 ngày 23/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Phòng GDKT TAND tỉnh (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu: Án văn, VT, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh

